

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Trần Thị Phương Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 378/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lương Ngọc V, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại Đơn xin ly hôn ghi ngày 02/7/2021, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Lương Ngọc V chung sống với nhau từ năm 1988 (do nhầm lẫn khi đánh máy nên tại Đơn xin ly hôn ngày 02/7/2021, bà P ghi là chung sống với nhau từ năm 2013). Bà P và ông V chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Định Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương) vào tháng 10 năm

1988. Do thời gian đã lâu nên bản chính giấy chứng nhận kết hôn giữa bà P và ông V đã bị thất lạc. Năm 2011, bà P có liên hệ với UBND thị trấn DT để xin cấp trích lục kết hôn thì được cấp “Bản sao giấy chứng nhận kết hôn” vào ngày 09/12/2011, UBND thị trấn DT xác nhận bà P và ông V có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/1988. Tuy nhiên, hiện nay bà P chỉ có bản photo của “Bản sao giấy chứng nhận kết hôn” ngày 09/12/2011. Tháng 10/2021, bà P đến UBND thị trấn DT để xin cấp bản sao chứng nhận kết hôn thì được hướng dẫn viết Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch để đề nghị cấp bản sao trích lục kết hôn và được UBND thị trấn DT trả lời là sổ bộ đăng ký kết hôn năm 1988 địa phương không còn giữ nên không thể cấp được trích lục kết hôn cho bà P và ông V. Vì vậy, UBND thị trấn DT không xác nhận được việc bà Nguyễn Thị P và ông Lương Ngọc V có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật vào năm 1988.

Sau khi chung sống với nhau, ban đầu thì cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông V hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân là do giữa bà P và ông V không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, ông V thường hay kiểm chuyện đánh chửi bà P. Hiện nay, giữa bà P và ông V đã ly thân, không còn chung sống với nhau khoảng 5 năm nay, ông V thường đi làm ở xa, lâu lâu mới lại ở nhà. Thiết nghĩ mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không còn tình cảm, không còn chung sống với nhau nên bà Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Lương Ngọc V.

Về con chung: Giữa bà Nguyễn Thị P và ông Lương Ngọc V có 01 con chung tên Lương Ngọc L, sinh năm 1989, nay con chung đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà P cung cấp: Đơn xin ly hôn ghi ngày 02/7/2021; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà P; bản photo bản sao “giấy chứng nhận kết hôn”; bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị Lương Ngọc L; Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch ngày 01/10/2021; đơn yêu cầu tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; đơn yêu cầu không hòa giải.

***Tại Bản tự khai và Đơn yêu cầu vắng mặt cùng ngày 15/01/2022, bị đơn ông Lương Ngọc V trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Ngọc V và bà Nguyễn Thị P chung sống với nhau từ năm 1988, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Định Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là UBND thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương) vào cùng năm 1988. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên bản chính giấy chứng nhận kết hôn giữa ông V và bà P đã bị thất lạc. Ông V có liên hệ với UBND thị trấn DT, huyện D để xin cấp trích lục kết hôn nhưng được trả lời là do có việc chia tách địa giới hành chính các cấp nên hiện nay không xác định được ông V và bà P có đăng ký kết hôn hay không để cấp trích lục kết hôn. Vì vậy, ông V không thể cung cấp được trích lục kết hôn của ông V và bà P cho Tòa án được.

Hiện nay, giữa vợ chồng chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, hai nên đã không còn chung sống cùng nhau từ nhiều năm nay. Vì vậy, bà P yêu cầu được ly hôn thì ông V đồng ý.

Về con chung: Ông Lương Ngọc V và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung tên Lương Ngọc L, sinh năm 1989, nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ ông V cung cấp: Bản tự khai và Đơn yêu cầu vắng mặt cùng ngày 15/01/2022, bản photo giấy chứng minh thư nhân dân.

### ***Kết quả xác minh của Tòa án***

Tại Biên bản xác minh ngày 07/01/2022 của Tòa án đối với ông Tô Xuân L1: Tại thời điểm năm 2011, ông Tô Xuân L1 là Công chức Tư pháp của UBND thị trấn DT, huyện D, ông Phạm Quốc T là Chủ tịch UBND thị trấn DT. Ngày 09/12/2011, ông Lợi có nhận được yêu cầu từ ông Lương Ngọc V và bà Nguyễn Thị P đề nghị UBND thị trấn DT cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn. Qua lời trình bày của ông V và bà P, đối chiếu sổ sách có lưu giữ tại thời điểm năm 2011 của UBND thị trấn DT xác định được ông V và bà P có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn DT vào ngày 16/10/1988. Ông L1 đã tiến hành sao từ sổ đăng ký kết hôn để cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn giữa ông V và bà P và trình cho ông T – Chủ tịch UBND thị trấn DT ký, sau đó cấp bản sao giấy chứng nhận kết hôn của bà P và ông V. Năm 2016, ông L1 nghỉ hưu theo quy định, toàn bộ sổ sách đăng ký kết hôn của UBND thị trấn DT thì ủy ban lưu giữ, ông L1 đã bàn giao công việc lại cho UBND thị trấn DT theo quy định.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/02/2022 của Tòa án đối với ông Lê Hoàng M: Ông Lê Hoàng M hiện là Công chức Tư pháp - Hộ tịch của UBND thị trấn DT, huyện D. Ngày 01/10/2021, UBND thị trấn DT nhận được Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch của bà Nguyễn Thị P, đề nghị UBND thị trấn DT cấp bản sao trích lục kết hôn giữa bà Nguyễn Thị P và ông Lương Ngọc V, đồng thời cung cấp bản photo “Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao)” giữa bà P với ông V được UBND thị trấn DT cấp sao ngày 09/12/2011. Qua xem xét tờ khai của bà P, đối chiếu với hồ sơ đang lưu giữ tại UBND thị trấn DT thì xác định được: Hiện nay địa phương không còn lưu giữ sổ bộ đăng ký kết hôn năm 1988, do đó UBND thị trấn DT không có cơ sở để xác định giữa bà P và ông V có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Thành cũ (nay là UBND thị trấn DT), không thể cấp trích lục kết hôn giữa bà P và ông V.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/02/2022 của Tòa án đối với ông Đàm Khánh L2 - Phó Trưởng khu phố 2, thị trấn DT, huyện D: Ông Lương Ngọc V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, thị trấn DT, huyện D, tuy nhiên từ nhiều năm nay ông V thường vắng mặt tại địa phương, nguyên nhân là do đi làm

ở xa. Trước đây (khoảng 5 năm), giữa bà P và ông V thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, hai bên có đánh lộn lẫn nhau và có nhờ Công an khu phố 2, Công an thị trấn DT đến hòa giải sự việc. Hiện nay, ông V ít khi có mặt tại địa phương, cũng không thấy giữa bà P và ông V có mâu thuẫn gì.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P có mặt, bị đơn ông V vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do không xác định được việc bà P và ông V có đăng ký kết hôn với nhau nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các bên đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Lương Ngọc V, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”; các bên đương sự đều có nơi cư trú tại thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông bà P có mặt, bị đơn ông V đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông V vắng mặt và đã có đơn yêu cầu vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Bà P và ông V chung sống với nhau từ năm 1988, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Định Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là UBND thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương) vào tháng 10 năm 1988. Ban đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân: Giữa bà P và ông V không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, ông V thường hay kiếm chuyện đánh chửi bà P; hiện nay giữa bà P và ông V đã ly thân, không còn chung sống với nhau khoảng 5 năm nay, ông V thường đi làm ở xa, lâu lâu mới lại ở nhà. Bà P thấy rằng mục đích hôn nhân với ông V không đạt được, hai bên không còn tình cảm, không còn chung sống với nhau nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông V. Quá trình tố tụng, tại Bản tự khai và

Đơn yêu cầu vắng mặt cùng ngày 15/01/2022, ông V đồng ý ly hôn với bà P. Đây là ý chí tự nguyện thuận tình ly hôn của các bên đương sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Bà P và ông V trình bày có đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại UBND xã Định Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là UBND thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương) vào tháng 10 năm 1988. Tuy nhiên, cả bà P và ông V đều không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua kết quả xác minh của TAND huyện Dầu Tiếng đối với ông Lê Hoàng M hiện là Công chức Tư pháp - Hộ tịch của UBND thị trấn DT, huyện D; kết quả xác minh của TAND huyện Dầu Tiếng đối với ông Tô Xuân L1, nguyên là Công chức Tư pháp - Hộ tịch của UBND thị trấn DT, huyện D năm 2011 xác định được: Hiện nay không có căn cứ để xác định giữa bà P và ông V có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1988 tại UBND xã Định Thành, huyện Bến Cát, tỉnh Sông Bé (nay là UBND thị trấn DT, huyện D, tỉnh Bình Dương). Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông V theo quy định của pháp luật.

[3.3] Ông Lương Ngọc V và bà Nguyễn Thị P có 01 con chung tên Lương Ngọc L, sinh năm 1989. Con chung đã trưởng thành, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về các thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa và nội dung vụ án là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P đối với ông Lương Ngọc V về việc “Ly hôn”:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Lương Ngọc V.

1.2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/007007 ngày 15/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, bà Nguyễn Thị P đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND TT Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tùng**